

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 131/2017/DS-PT

Ngày: 02-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Bà Thái Thị Huyền Trân

Ông Ngô Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2017/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2017/QĐPT - DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Ông Võ Văn O, trú tại: khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn “Văn bản ủy quyền do Văn phòng Công chứng LX Công chứng số 137, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 04/4/2017” (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Bà Trần Thị Thu A, sinh năm 1968

Địa chỉ: đường L, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Thanh H1, trú tại: đường D, khóm ĐT, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn “Văn bản ủy quyền do Văn phòng Công chứng LX Công chứng số 501, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 25/8/2016” (có mặt).

2.2 Ông Đỗ Thanh H2, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường MB, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị H là bị nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Võ Văn O đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Vào ngày 04/8/2014 ông Đỗ Thanh H2 và bà Trần Thị Thu A vay của bà Trần Thị H 360.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5,5%/tháng, khi vay bà A có viết biên nhận nợ vào ngày 4/8/2014, biên nhận nợ do bà A và ông H2 ký tên. Sau khi vay ông H2, bà A đã đóng lãi từ ngày 04/8/2014 đến ngày 04/11/2014 thì ngưng, số tiền lãi bà H đã nhận được là 59.400.000đ, tương ứng mức lãi suất 5,5%/tháng như thỏa thuận, tiền vốn vẫn còn nợ 360.000.000đ. Sau đó, bà H nhiều lần yêu cầu ông H2 và bà A trả nợ, nhưng vẫn không thực hiện.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà H yêu cầu bà Trần Thị Thu A và ông Đỗ Thanh H2 liên đới chịu trách nhiệm trả vốn vay 360.000.000đ, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Trần Thị Thu A ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H1 trình bày:

Bà A thừa nhận có vay của bà H 360.000.000đ, mục đích vay để nuôi cá. Sau khi vay, bà A đóng lãi đủ cho bà H với mức lãi suất 5,5%/tháng và đã trả xong nợ vay 360.000.000đ. Tuy nhiên đóng lãi cụ thể với số tiền bao nhiêu và trả nợ vốn vào thời gian nào thì bà A không nhớ vì thời gian đã lâu và việc đóng lãi, trả vốn hai bên không làm biên nhận cũng không có sổ sách, giấy tờ gì theo dõi. Bà A xác định trong việc vay nợ trên chỉ có bà A nhận tiền và bà A là người ghi biên nhận nợ, cũng như chữ viết họ tên và chữ ký tên bà Trần Thị Thu A và ông Đỗ Thanh H2 là do bà A ghi và ký tên. Ông H2 không tham gia nhận tiền vay, đóng lãi, trả vốn và cũng không ghi, ký tên vào biên nhận nợ.

Khi trả 360.000.000đ cho bà H, bà A có yêu cầu bà H trả lại biên nhận nhưng bà H cho rằng đang dọn nhà nên bị thất lạc biên nhận, bà H có hứa sau này sẽ lục lại biên nhận trả cho bà A, bà A tin tưởng nên trả tiền cho bà H. Sau này bà A nhiều lần yêu cầu bà H trả lại biên nhận nhưng bà H vẫn không trả, nên việc bà H lấy biên nhận cũ để yêu cầu bị đơn trả 360.000.000đ thì bị đơn không đồng ý.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà H thì bà A không đồng ý vì không còn nợ. Bà A cho rằng trong Biên nhận nợ ngày 4/8/2014 có sự tẩy xóa, viết chồng thời gian từ năm **2011** thành năm **2014**, cụ thể số cuối của năm từ số **1** được sửa và viết chồng lên thành số **4**. Bà A yêu cầu Giám định đối với Biên nhận nợ ngày 4/8/2014 tại Phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/3/2017 ông H2 và bà A có Đơn yêu cầu xem xét xử lý bà H về việc khởi kiện không có cơ sở, nguy tạo chứng cứ, vu khống xúc phạm đến danh dự ông bà.

Quá trình thụ lý giải quyết, ông Đỗ Thanh H2 mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H2 vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị Thu A và ông Đỗ Thanh H2 liên đới chịu trách nhiệm trả 360.000.000đ.

- Về án phí: Bà H phải chịu 9.000.000đ án phí, được trừ vào 5.316.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009735, ngày 25/5/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà H còn phải nộp 3.684.000đ án phí.

- Về chi phí giám định: Bà H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà A 6.220.000đ tạm ứng chi phí giám định đã nộp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/3/2017 bà Trần Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Về phía nguyên đơn bà Trần Thị H khởi kiện cho rằng năm 2014 đã cho bà Trần Thị Thu A vay 360.000.000 đồng; và nguyên đơn căn cứ biên nhận nợ ngày 04/8/2014 làm chứng cứ để khởi kiện. Về phía bị đơn xác định năm 2011 có vay của bà H 360.000.000 đồng, và hai bên đã thanh toán xong. Nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu giám định biên nhận nợ mà bà H đã cung cấp. Căn cứ kết quả giám định đã xác định biên nhận nợ bà H cung cấp đã sửa chữa số 1 (là số nguyên thủy thành số 4); Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Mặc khác bà H kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới để chứng minh nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà H đã rút lại yêu cầu tính lãi nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ là có thiếu sót nên cần sửa lại cách tuyên cho phù hợp với quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị H kháng cáo và nộp tiền tạm ứng kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận để xét xử phúc thẩm.

Đối với ông Đỗ Thanh H2 vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về phía nguyên đơn bà Trần Thị H, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 04/8/2014 (Bl: 03) để khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thu A, ông Đỗ Thanh H2 cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền 360.000.000 đồng.

[3] Về phía bị đơn bà Trần Thị Thu A thừa nhận; năm 2011 có vay của bà H 360.000.000 đồng để nuôi cá; Khi vay chỉ có bà là người trực tiếp nhận tiền và ký tên vào biên nhận nợ ngày 04/8/2011; Còn chữ viết và chữ ký tên Đỗ Thanh H2 (chồng bà) là do bà ghi và ký tên; ông H2 hoàn toàn không biết. Sau khi vay, bà đã trả lãi đầy đủ cho bà H 5,5%/tháng; Và đã trả vốn 360.000.000 đồng cho bà H xong; khi trả vốn bà có yêu cầu bà H trả lại biên nhận nhiều lần, bà H không trả. Nay bà H dùng biên nhận nợ “năm 2011” sửa lại là “năm 2014” để khởi kiện yêu cầu bà phải trả 360.000.000 đồng bà không đồng ý và yêu cầu giám định “Biên nhận nợ ngày 04/8/2014” do bà H cung cấp để xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận giám định ngày 24/11/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định: Biên nhận nợ ngày 04/8/2014, do nguyên đơn bà H cung cấp để làm căn cứ khởi kiện; có dấu vết sửa chữa số “1” (hàng đơn vị của năm) thành số “4”, và chữ viết, chữ ký tên “Đỗ Thanh H2” không phải do ông H2 viết và ký.

Mặc khác, ngoài biên nhận nợ ngày 04/8/2014 do bà H cung cấp, thì bà H không có “chứng cứ” gì để chứng minh trong năm 2014 bà đã cho bà A vay 360.000.000 đồng như lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà; Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ; bà H kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì mới để chứng minh. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất; Nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ là có thiếu sót. Do đó, cấp phúc thẩm cần sửa lại cách tuyên án theo quy định của pháp luật.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; Luật phí và lệ phí năm 2015.

+ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H

+ Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/DS-ST ngày 10/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

- Tuyên xử :

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về yêu cầu tính lãi.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H yêu cầu bà Trần Thị Thu A và ông Đỗ Thanh H2 liên đới chịu trách nhiệm trả 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng.

- Về án phí sơ thẩm :

+ Bà Trần Thị H phải chịu 9.000.000 (Chín triệu) đồng, được trừ vào 5.316.000 (Năm triệu ba trăm mười sáu ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009735, ngày 25/5/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố LX, bà H còn phải nộp 3.684.000 (ba triệu sáu trăm tám mươi bốn ngàn) đồng.

+ Về chi phí giám định:

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị Thu A 6.220.000 (Sáu triệu hai trăm hai mươi ngàn) đồng, tạm ứng chi phí giám định đã nộp.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số: 0010788 ngày 23/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối Cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố LX;
- Chi cục THA-DS thành phố LX;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thanh Hòa

